

KẾ HOẠCH DẪN TÀU
Ngày 31 tháng 10 năm 2026

Kính gửi :

- Cảng vụ hàng hải Cần Thơ, Đại diện An Giang, Hậu Giang, Trà Vinh;
- Cảng vụ hàng hải Kiên Giang, Đại diện Hòn Chông, Phú Quốc;
- Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV;
- Đại diện Thường Phước - Vĩnh Xương, Sa Đéc, Vĩnh Long;
- Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III, Đại diện Mỹ Tho.

I. TÀU ĐẾN :

STT	Họ tên Hoa tiêu	Tên Tàu	Quốc tịch	Chiều dài	Mớn nước	GT	Cầu bến	Thời gian	ĐẠI LÝ	Ghi chú
	P35(QUỐC) - THI	SENNA	Thailand	105.9	4	4002	ĐA - KNNH	06H00	MEKONG	
	P32(TÍN)	VIET THUAN 11-02	VN	119.9	6.4	6288	ĐA - KN CC2	16H00	NAM SONG HAU	
	P22(TRUNG)	AMALOTUS	VN	93.1	2	2418	VX - SD	16H00	TỰ TỨC	

II. TÀU ĐI :

STT	Họ tên Hoa tiêu	Tên Tàu	Quốc tịch	Chiều dài	Mớn nước	GT	Cầu bến	Thời gian	ĐẠI LÝ	Ghi chú
	P28(HỌC)	SC QINGDAO	Hong Kong	128	7	8568	CC - ĐA	06H00	MEKONG	
	P33(KHOA)	VIET THUAN 11-01	VN	119.9	3	6225	KN CC2 - ĐA	06H00	NAM SONG HAU	
	P38(BÌNH)	HUNG PHAT 559	VN	97	6.4	2993	TN - ĐA	06H00	MEKONG	
	P27(HẢI B)	THANG LOI 6668	VN	81	3	2745	KN CC1 - ĐA	06H00	NAM SONG HAU	
	P23(LONG)	LONG PHU 16	VN	112.3	5	5199	TNB - ĐA	09H00	NAM NGUYEN	
	P30(VIỆT)	HUNG PHAT 289	VN	91.9	6.3	2995	VX - CT	10H00	MEKONG	
	P39(BẢO B)	HAI NAM 61	VN	79	4	1979	PTMK - ĐA	10H00	PV TRANS	
	P14(KỶ)	XIN JI 6	PANAM	146	6.9	9916	HG - ĐA	15H00	MEKONG	
	P34(ĐẠT)	THE JAHAN	VN	70	1.7	1710	MTHO - SD	15H00	TỰ TỨC	
	P29(NHÂN)	MEKONG JEWEL	VN	79.9	2	2494	MTHO - SD	16H00	MY THO	
	P36(NGUYỄN)	LAMARGUERITE	VN	71.6	2	1660	SD - VX	17H30	MY THO	

III. TÀU DỜI :

STT	Họ tên Hoa tiêu	Tên Tàu	Quốc tịch	Chiều dài	Mớn nước	GT	Cầu bến	Thời gian	ĐẠI LÝ	Ghi chú
	P34(ĐẠT)	VIET THUAN 11-01	VN	119.9	3	6225	NDSH1 - KN CC2	03H00	NAM SONG HAU	
	P34(ĐẠT)	VIET THUAN 12-01	VN	124.9	7	7311	KN CC2 - NDSH1	04H00	NAM SONG HAU	

* TÌNH TRẠNG PHẠO LUỒNG

Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2026

TL. GIÁM ĐỐC

PHỤ TRÁCH PHÒNG HOA TIÊU - PHƯƠNG TIỆN

